

Số: 60/2023/QĐST-HNGĐ

P, ngày 18 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HUNG YÊN

- Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện P, tỉnh H.

- Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1985;

Đăng ký HKTT: Thôn H, xã T, huyện P, tỉnh H;

Địa chỉ hiện nay: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Nguyễn Khánh T, sinh ngày 13/02/2010;

+ Cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 13/7/2013;

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh H.

Người đại diện hợp pháp của cháu T, cháu D: Anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị A là bố mẹ đẻ của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về qua hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P ngày 07/9/2008 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị A là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình

chung sống, tình cảm vợ chồng anh, chị B thường đến năm 2021 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, sống với nhau không được hoà hợp, không có hạnh phúc. Anh B và chị A đã sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có cuộc sống chung, không còn quan tâm và không có trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay anh B và chị A đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh B và chị A đều thoả thuận thống nhất thuận tình ly hôn, yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh B và chị A theo quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị A xác nhận vợ chồng có 02 con chung là các cháu Nguyễn Khánh T, sinh ngày 13/02/2010 và cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 13/7/2013. Ly hôn, anh B và chị A thoả thuận thống nhất giao cả hai cháu T và cháu D cho chị A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi. Anh B và chị A thoả thuận, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Thanh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị A xác định vợ chồng anh, chị không có tài sản chung, không nợ ai tài sản, không có công sức đóng góp gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị A thoả thuận thống nhất, chị A tự nguyện nhận chịu T bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc thoả thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 08/12/2023 là hoàn T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quA hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị A thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị A xác nhận vợ chồng có 02 con chung là các cháu Nguyễn Khánh T, sinh ngày 13/02/2010 và cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 13/7/2013. Ly hôn, Anh B và chị A thoả thuận thống nhất giao cả hai cháu T và cháu D cho chị A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi. Anh B và chị A thoả thuận, Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A. Sau khi ly hôn, Anh Nguyễn

Thanh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị A xác định vợ chồng Anh chị không có tài sản chung, không nợ ai tài sản, không có công sức đóng góp gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị A thỏa thuận, chị A tự nguyện nhận chịu T bộ 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0000617 ngày 30/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hưng Yên. Chị A đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi bA hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra NVXX và

THANHS

- TAD tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền